

ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ NĂM 2025 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

● TRẦN ANH PHƯƠNG

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: phuong.trananh83@gmail.com

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích các quy định về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 và Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, tập trung làm rõ đối tượng áp dụng, nội dung ưu đãi, điều kiện và tiêu chí thực hiện. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra đặc điểm của cơ chế ưu đãi đầu tư đặc biệt với tư cách là công cụ chính sách nhằm định hướng thu hút các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao và khả năng lan tỏa. Đồng thời, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các quy định này trong thực tiễn.

Từ khóa: ưu đãi và hỗ trợ, đầu tư đặc biệt, Luật Đầu tư năm 2025, văn bản hướng dẫn thi hành.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, việc thu hút đầu tư không chỉ dừng lại ở quy mô vốn mà ngày càng chú trọng đến hiệu quả, công nghệ và khả năng lan tỏa của dự án. Các lĩnh vực như hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, sản xuất sản phẩm công nghệ số và công nghệ chiến lược đang trở thành trọng tâm trong chính sách thu hút đầu tư¹. Điều này đặt ra yêu cầu phải thiết lập một cơ chế ưu đãi đủ mạnh và có tính chọn lọc nhằm thu hút các dự án đầu tư phù hợp với định hướng phát triển. Luật Đầu tư năm 2025 và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP đã thiết lập khung pháp lý cho cơ chế ưu đãi và hỗ trợ

đầu tư đặc biệt (UĐ&HTĐTĐB)². Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích các quy định này và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi trong thực tiễn.

2. Khái quát về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của Luật Đầu tư năm 2025

Cơ chế UĐ&HTĐTĐB được quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025, đồng thời được cụ thể hóa tại Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP. Pháp luật đầu tư đã thiết lập một cơ chế về ưu đãi đầu tư ở mức đặc biệt, tách biệt với hệ thống ưu đãi đầu tư thông thường. Quy định này cho phép Nhà nước áp dụng các mức ưu đãi cao hơn và linh hoạt hơn đối với một số dự án đầu tư có ý nghĩa quan trọng đối với phát

triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, vai trò của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ được xác định rõ trong việc quyết định phạm vi, điều kiện và mức ưu đãi.

Chính sách UĐ&HTĐTĐB được thiết kế nhằm khuyến khích phát triển các dự án có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhà nước không chỉ hỗ trợ về chi phí, tài chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi về môi trường đầu tư³. Thông qua cơ chế này, Nhà nước hướng tới việc thu hút các dự án có quy mô lớn, có hàm lượng công nghệ cao và có khả năng tạo ra hiệu ứng lan tỏa trong nền kinh tế. Đồng thời, chính sách này cũng góp phần định hướng dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn. Việc thiết lập cơ chế ưu đãi đặc biệt cho thấy sự chuyển dịch trong tư duy chính sách từ ưu đãi dàn trải sang ưu đãi có chọn lọc⁴.

3. Nội dung quy định về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo Luật Đầu tư năm 2025 và văn bản hướng dẫn thi hành

3.1. Đối tượng áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

Khoản 2 Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 xác định 3 nhóm đối tượng áp dụng UĐ&HTĐTĐB, gồm:

- *Nhóm 1:* Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động từ 5G trở lên và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- *Nhóm 2:* Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo theo

pháp luật về công nghiệp công nghệ số có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ;

- *Nhóm 3:* Dự án đầu tư khác (bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng) thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ.

Trên cơ sở đó, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa các nhóm đối tượng nêu trên bằng việc ấn định mức tổng vốn đầu tư và mức giải ngân tối thiểu tương ứng đối với từng nhóm dự án. Cụ thể, đối với dự án Nhóm 1 phải có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên và giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 3 năm; đối với dự án Nhóm 2 phải có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên và giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong 5 năm; đối với dự án Nhóm 3 phải có vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên và giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong 3 năm. Như vậy, nếu Điều 17 của Luật xác lập phạm vi đối tượng theo hướng nguyên tắc, thì Điều 21 của Nghị định đã chuyển hóa thành các tiêu chí định lượng cụ thể để áp dụng trong thực tiễn.

Đồng thời, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt được áp dụng đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và toàn bộ cơ sở trực thuộc đặt ngoài trụ sở chính của Trung tâm.

3.2. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

Khoản 3 Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 quy định mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai. Với cách quy định này, Luật không trực tiếp ấn định mức ưu đãi cụ thể mà lựa chọn kỹ thuật dẫn chiếu sang các luật chuyên ngành có liên quan. Cách thiết kế đó bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời cho phép cơ chế ưu đãi đầu tư đặc biệt vận hành trong mối liên hệ với chính sách thuế và chính sách đất đai⁵.

Phù hợp với quy định của Luật, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP tiếp tục khẳng định mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê mặt nước được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai. Như vậy, Nghị định không tạo ra một hệ thống ưu đãi độc lập mà đóng vai trò cụ thể hóa cơ chế áp dụng theo đúng định hướng của Luật. Quy định này cho thấy ưu đãi đầu tư đặc biệt về bản chất vẫn là một bộ phận của hệ thống ưu đãi đầu tư chung, nhưng được áp dụng với phạm vi chọn lọc và theo quy trình xem xét đặc thù hơn.

3.3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư đặc biệt

Khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 quy định hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này. Quy định này cho thấy, nhà làm luật không xây dựng một danh mục hỗ trợ hoàn toàn mới cho cơ chế đầu tư đặc biệt, mà đặt hoạt động hỗ trợ trong khuôn khổ các hình thức hỗ trợ đầu tư đã được Luật ghi nhận. Đây là cơ sở pháp lý để việc hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện thống nhất với chính sách hỗ trợ đầu tư nói chung, đồng thời vẫn bảo đảm khả năng áp dụng cho các dự án có tính chất đặc biệt.

Theo khoản 3 Điều 14 Luật Đầu tư năm 2025, hình thức hỗ trợ đầu tư bao gồm: hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ chuyển đổi xanh, giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu và chuyển đổi số; và các hình thức hỗ trợ đầu tư khác theo quy định của Chính phủ. Quy định này cho thấy hỗ trợ đầu tư đặc biệt không chỉ giới hạn ở các biện pháp hỗ trợ mang tính tài chính, mà còn bao quát nhiều phương diện hỗ trợ cần thiết cho quá trình triển khai và vận hành dự án đầu tư.

3.4. Điều kiện áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

Khoản 2 Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 quy định các dự án thuộc diện UĐ&HTĐTĐB phải đáp ứng điều kiện về quy mô vốn đầu tư và thời hạn giải ngân vốn đầu tư theo quy định của Chính phủ. Có thể thấy, Luật chỉ xác lập nguyên tắc chung về điều kiện áp dụng, đồng thời giao Chính phủ cụ thể hóa các tiêu chí định lượng cần thiết. Cách thiết kế này vừa bảo đảm tính ổn định của Luật, vừa tạo điều kiện để cơ quan hành pháp điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu quản lý nhà nước và thực tiễn đầu tư.

Trên cơ sở đó, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP đã xác định rõ ngưỡng vốn và mức giải ngân đối với từng nhóm dự án. Đồng thời, khoản 4 Điều 21 quy định nhà đầu tư đề xuất áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt phải cam kết đáp ứng các điều kiện về ngành, nghề đầu tư, tổng vốn đăng ký đầu tư, mức vốn giải ngân, thời hạn giải ngân và các điều kiện khác ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, nếu Luật dừng ở việc xác lập khung điều kiện, thì Nghị định đã cụ thể hóa cả tiêu chí định lượng lẫn cơ chế cam kết, qua đó làm cho việc áp dụng chính sách trở nên chặt chẽ và khả thi hơn.

3.5. Thẩm quyền quyết định và tiêu chí áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt

Theo khoản 1 Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025, Chính phủ là chủ thể được giao quy định việc áp dụng UĐ&HTĐTĐB nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, khoản 6 Điều 17 còn quy định Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Như vậy, Luật xác lập cả thẩm quyền quy định chung của Chính phủ và thẩm quyền quyết định trong những trường hợp đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể hóa cơ chế này, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định Thủ tướng Chính phủ

quyết định mức và thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt theo các tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi và giá trị sản xuất trong nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này. Quy định này có ý nghĩa quan trọng ở chỗ nó làm rõ căn cứ để Thủ tướng xem xét quyết định ưu đãi, từ đó nâng cao tính minh bạch và định hướng chất lượng của chính sách. Tuy nhiên, khi viện dẫn khoản 6 Điều 17 của Luật, cần hiểu đây là quy định về khả năng áp dụng các ưu đãi đầu tư khác trong trường hợp đặc biệt, chứ không đồng nhất hoàn toàn với cơ chế ưu đãi đầu tư đặc biệt được cụ thể hóa tại Điều 21 của Nghị định.

3.6. Các trường hợp không áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

Khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 quy định 2 trường hợp không áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt. Thứ nhất, đó là các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Thứ hai, đó là các dự án đầu tư quy định tại khoản 7 Điều 14 của Luật này (gồm: Dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản; Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở). Quy định loại trừ này có ý nghĩa bảo đảm tính ổn định của chính sách pháp luật, đồng thời ngăn ngừa việc áp dụng ưu đãi một cách hời hợt hoặc vượt quá phạm vi mà luật cho phép.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quy định về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

4.1. Tiếp tục hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các tiêu chí xác định đối tượng được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

Điều 17 Luật Đầu tư năm 2025 và Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP đã quy định tương đối rõ về đối tượng, điều kiện và tiêu chí áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng,

một số tiêu chí vẫn mang tính định tính và chưa dễ lượng hóa đầy đủ, nhất là các tiêu chí liên quan đến công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, mức độ tham gia của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị hoặc giá trị sản xuất trong nước. Vì vậy, cần tiếp tục có hướng dẫn cụ thể hơn từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bảo đảm cách hiểu thống nhất trong quá trình áp dụng. Việc này không nhằm bổ sung hay thay đổi nội dung của Luật và Nghị định, mà chủ yếu làm rõ cơ sở nhận diện, đánh giá và vận dụng các tiêu chí trong thực tiễn.

4.2. Nâng cao năng lực thẩm định và tổ chức thực hiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Hiệu quả của cơ chế UĐ&HTĐTĐB phụ thuộc nhiều vào năng lực của cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, thẩm định và xử lý hồ sơ. Các dự án thuộc diện áp dụng cơ chế này thường có quy mô lớn, gắn với nhiều điều kiện về vốn, giải ngân, lĩnh vực đầu tư và tiêu chí công nghệ, nên việc xem xét không thể chỉ dừng ở kiểm tra điều kiện hình thức. Do đó, cần nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng thẩm định và khả năng phối hợp xử lý của đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ này. Đồng thời, cần chuẩn hóa quy trình xem xét, đánh giá và đề xuất áp dụng UĐ&HTĐTĐB để bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, đúng điều kiện và đúng mục tiêu mà pháp luật đặt ra.

4.3. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình áp dụng chính sách

Việc áp dụng UĐ&HTĐTĐB không chỉ liên quan đến cơ quan đăng ký đầu tư mà còn gắn với trách nhiệm của các cơ quan tài chính, thuế, đất đai, khoa học và công nghệ, cũng như cơ quan quản lý chuyên ngành. Nếu thiếu sự phối hợp hiệu quả, việc áp dụng chính sách có thể gặp tình trạng chồng chéo, kéo dài thời gian xử lý hoặc thiếu thống nhất trong đánh giá dự án. Vì vậy, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong toàn bộ quá trình từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định điều kiện đến tổ chức thực hiện ưu đãi và hỗ trợ trên thực tế. Sự phối hợp chặt chẽ này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn góp phần bảo đảm

tính minh bạch, thống nhất và khả năng dự đoán của môi trường đầu tư.

4.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư

Bên cạnh việc xem xét điều kiện áp dụng ban đầu, cần chú trọng khâu kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện cam kết của nhà đầu tư sau khi được áp dụng UĐ&HTĐTĐB. Theo Điều 21 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, nhà đầu tư phải cam kết về tổng vốn đầu tư, mức giải ngân, thời hạn giải ngân và các điều kiện có liên quan. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền cần theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các cam kết này, nhất là tiến độ giải ngân và tiến độ triển khai dự án. Việc tăng cường giám sát không chỉ nhằm bảo đảm ưu đãi được áp dụng đúng mục đích, mà còn góp phần hạn chế tình trạng lợi dụng chính sách để đăng ký dự án

nhưng không triển khai hoặc triển khai không đúng cam kết. Qua đó, cơ chế UĐ&HTĐTĐB mới có thể phát huy hiệu quả thực chất trong thực tiễn.

5. Kết luận

Quy định về UĐ&HTĐTĐB trong Luật Đầu tư năm 2025 và Nghị định số 96/2026/NĐ-CP đã thiết lập một cơ chế pháp lý tương đối rõ ràng và có tính định hướng cao. Chính sách này góp phần thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, có hàm lượng công nghệ cao và có khả năng lan tỏa trong nền kinh tế. Tuy nhiên, hiệu quả của các quy định này phụ thuộc đáng kể vào chất lượng tổ chức thực hiện và năng lực của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, việc nâng cao hiệu quả thực thi là yếu tố quan trọng để phát huy đầy đủ ý nghĩa của cơ chế UĐ&HTĐTĐB trong thực tiễn ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

- ¹Anh Minh (2025). Hoàn thiện thể chế, mở ‘luồng xanh’ cho FDI thể hệ mới. Báo điện tử Chính phủ. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/hoan-thien-the-che-mo-luong-xanh-cho-fdi-the-he-moi-102251128192123622.htm>
- ²VnEconomy (2026). Những điểm mới của nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư. Truy cập tại: <https://vneconomy.vn/nhung-diem-moi-cua-nghi-dinh-huong-dan-luat-dau-tu.htm>
- ³An Nhi (2025). Hoàn thiện chính sách nhằm tăng cường thu hút và cải thiện chất lượng dòng vốn FDI. Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 01, tháng 01/2025.
- ⁴Yến Anh (2024). Xu hướng thu hút FDI công nghệ cao vào Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Truy cập tại <https://kinhtevdubao.vn/xu-huong-thu-hut-fdi-cong-nghe-cao-vao-viet-nam-30585.html>
- ⁵Nguyễn Thị Mai (2025). Ảnh hưởng của ưu đãi thuế đến thu hút đầu tư nước ngoài. Tạp chí Công Thương. Truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/anh-huong-cua-uu-dai-thue-den-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-179166.htm>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- An Nhi (2025). Hoàn thiện chính sách nhằm tăng cường thu hút và cải thiện chất lượng dòng vốn FDI. Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 01, tháng 01/2025.
- Anh Minh (2025). Hoàn thiện thể chế, mở ‘luồng xanh’ cho FDI thể hệ mới. Truy cập tại <https://baochinhphu.vn/hoan-thien-the-che-mo-luong-xanh-cho-fdi-the-he-moi-102251128192123622.htm>
- Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2026). Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nguyễn Thị Mai (2025). Ảnh hưởng của ưu đãi thuế đến thu hút đầu tư nước ngoài. Tạp chí Công Thương. Truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/anh-huong-cua-uu-dai-thue-den-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-179166.htm>.
- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025). Luật Đầu tư.

VnEconomy (2026). Những điểm mới của nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư. Truy cập tại: <https://vneconomy.vn/nhung-diem-moi-cua-nghi-dinh-huong-dan-luat-dau-tu.htm>

Yến Anh (2024). Xu hướng thu hút FDI công nghệ cao vào Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Truy cập tại <https://kinhtevadubao.vn/xu-huong-thu-hut-fdi-cong-nghe-cao-vao-viet-nam-30585.html>

Ngày nhận bài: 10/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/4/2026

SPECIAL INVESTMENT INCENTIVES AND SUPPORT UNDER THE LAW ON INVESTMENT 2025 AND ITS IMPLEMENTING REGULATIONS

● TRAN ANH PHUONG

National Economics University

ABSTRACT:

This study analyzes the regulatory framework governing special investment incentives and support under Article 17 of the Law on Investment (2025) and Article 21 of Decree No. 96/2026/ND-CP, with a focus on clarifying eligible beneficiaries, the scope of incentives, applicable conditions, and implementation criteria. The analysis highlights the distinctive features of this preferential mechanism as a strategic policy instrument designed to attract large-scale, high-technology projects with significant spillover effects. The findings contribute to a clearer understanding of the structure and operational logic of special investment incentives within Vietnam's evolving investment policy framework.

Keywords: incentives and support, special investment, Law on Investment 2025; implementing guidelines.